

Số: 27 /2023/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 11 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Bổ sung giá đất trong Bảng giá đất ở tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Mục II Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 19**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định về khung giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Xét Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết bổ sung giá đất trong Bảng giá đất ở tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Mục II Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng

nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung giá đất trong Bảng giá đất ở tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Mục II Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2020 - 2024)

1. Bổ sung giá đất tại điểm d khoản 1 Phụ lục - Đối với khu vực các xã còn lại thuộc thành phố Quảng Ngãi như sau:

ĐVT: Nghìn đồng/m²

STT	Khu vực	Vị trí	Mức giá
I	Xã Tịnh Ấn Tây		
A	Khu vực 1:		
14	- Đất mặt tiền đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong thuộc Khu tái định cư xã Tịnh Ấn Tây. - Đất mặt tiền đường nội bộ có mặt cắt rộng 31m thuộc Khu tái định cư xã Tịnh Ấn Tây.	2	3.000
15	Đất mặt tiền đường nội bộ có mặt cắt rộng 17,5m thuộc Khu tái định cư xã Tịnh Ấn Tây.	3	2.200
16	Đất mặt tiền đường nội bộ có mặt cắt rộng 13,5m thuộc Khu tái định cư xã Tịnh Ấn Tây.	4	1.800

2. Bổ sung giá đất tại điểm a khoản 2 Phụ lục - Đất ở tại thị trấn Châu Ổ như sau:

ĐVT: Nghìn đồng/m²

STT	Loại đường	Vị trí	Mức giá
B	Đường loại 2:		
25	Đất mặt tiền đường có mặt cắt rộng 13m thuộc Khu tái định cư Tổ dân phố 6.	4	3.000
26	Đất mặt tiền đường Trần Thị Khải nối dài thuộc Khu Tái định cư Tổ dân phố 6.	5	2.800

3. Bổ sung giá đất tại điểm b khoản 2 Phụ lục - Đất ở nông thôn các xã đồng bằng thuộc huyện Bình Sơn như sau:

ĐVT: Nghìn đồng/m²

STT	Khu vực	Vị trí	Mức giá
V	Xã Bình Trung		
A	Khu vực 1		
6	Đất mặt tiền đường Vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô thuộc Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Đường Vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô.	6	2.400
7	Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Đường Vành đai Tây Bắc thị trấn Châu Ô.	8	1.600

4. Bổ sung giá đất tại điểm a khoản 3 Phụ lục - Đất ở nông thôn các xã đồng bằng thuộc huyện Sơn Tịnh như sau:

ĐVT: Nghìn đồng/m²

STT	Khu vực	Vị trí	Mức giá
V	Xã Tịnh Phong		
B	Khu vực 2:		
7	Đất mặt tiền đường gom thuộc Khu tái định cư Vườn Làng.	1	1.100
8	Đất mặt tiền các tuyến đường nội bộ thuộc Khu tái định cư Vườn Làng.	2	900
VI	Xã Tịnh Thọ		
B	Khu vực 2:		
8	Đất mặt tiền đường gom thuộc Khu tái định cư Vườn Làng.	1	1.100
9	Đất mặt tiền các tuyến đường nội bộ thuộc Khu tái định cư Vườn Làng.	2	900

5. Bổ sung giá đất tại điểm a khoản 9 Phụ lục - Đất ở tại thị trấn Ba Tơ như sau:

ĐVT: Nghìn đồng/m²

STT	Loại đường	Vị trí	Mức giá
A	Đường loại 1:		
23	Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc Khu dân cư chính trang phía Đông đường Trần Toại, thị trấn Ba Tơ.	5	2.000
24	Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc Khu dân cư chính trang phía Tây Bắc suối Tài Năng, thị trấn Ba Tơ.	5	2.000

6. Bổ sung giá đất tại điểm b khoản 9 Phụ lục - Đất ở nông thôn các xã miền núi thuộc huyện Ba Tư như sau:

ĐVT: Nghìn đồng/m²

STT	Khu vực	Vị trí	Mức giá
VII	Xã Ba Dinh		
C	Khu vực 3:		
8	Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc Khu tái định cư Tổ 2, thôn Kà La, xã Ba Dinh.	1	150
XIV	Xã Ba Tiêu		
C	Khu vực 3:		
3	Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc Điểm định canh, định cư tập trung thôn Làng Trui, xã Ba Tiêu.	1	150
XV	Xã Ba Vinh		
C	Khu vực 3:		
8	Đất mặt tiền đường nội bộ Điểm định canh, định cư tập trung thôn Nước Nẻ (nay là thôn Nước Y), xã Ba Vinh.	2	120

7. Bổ sung giá đất tại điểm b khoản 12 Phụ lục - Đất ở nông thôn các xã miền núi thuộc huyện Minh Long như sau:

ĐVT: Nghìn đồng/m²

STT	Khu vực	Vị trí	Mức giá
III	Xã Long Mai		
C	Khu vực 3:		
5	Đất mặt tiền đường nội bộ thuộc Điểm định canh, định cư tập trung Đồng Tranh (trừ đất mặt tiền đường từ ngã 3 Tỉnh lộ 624 đến giáp đèo Chân đã được quy định).	2	120

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 19 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2023./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ngãi;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, KTNS (02).đta

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân